

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LƯƠNG SƠN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2022/HNGĐ -ST

Ngày: 16/09/2022

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN – TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Lan Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Huyền và ông Trần Ánh Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Phương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa:**  
Ông Vì Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 160/2022/TLST- HNGĐ ngày 18/07/2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST- HNGĐ ngày 13/09/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Quách Văn B – sinh năm 1991. Có mặt.

HKTT: Thôn AT, xã TS, huyện LS, tỉnh HB.

*Bị đơn:* Chị Bùi Thị V, sinh năm 1994. Vắng mặt.

HKTT: Thôn AT, xã TS, huyện LS, tỉnh HB.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn anh Quách Văn Bằng trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị V tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LS ( nay là xã TS), huyện LS, tỉnh HB vào ngày 04/9/2013. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng không thấu hiểu nên xảy ra cãi vã. Anh và chị V hiện đang sống ly thân, anh không còn tình cảm với chị V, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị V được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con, tên là Quách Hoàng L, sinh ngày 17/02/2014. Sau khi ly hôn, anh B nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và chưa yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Sau đó anh B thay đổi quan điểm, anh đồng ý để chị V nuôi con Quách Hoàng L, anh chưa cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của bị đơn chị Bùi Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận chị và anh B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 04/9/ 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LS (nay là xã TS), huyện LS, tỉnh HB. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh B đi làm ăn xa, anh B có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng mất mát chửi nhau. Chị và anh B sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay không quan tâm đến nhau, mỗi người sống một nơi. Tuy nhiên chị mong muốn con có đủ cả cha lẫn mẹ nên chị xin đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con, tên là Quách Hoàng L, sinh ngày 17/02/2014. Sau khi ly hôn, chị V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục con chung và chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai của gia đình anh Quách Văn B là bà Hoàng Thị N - sinh năm 1963; HKTT: Thôn AT, xã TS, huyện LS, tỉnh HB ( mẹ đẻ của anh B ) có trình bày: Trước đây vợ chồng B, V sống rất hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B có người phụ nữ khác. Vợ chồng B V có xảy ra cãi vã, hai vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 10/2020 đến nay, không quan tâm đến nhau Tuy nhiên là bậc cha mẹ bà không muốn các con ly hôn, bà mong muốn các con đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Bùi Thị V đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Áp dụng điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh Quách Văn B.

+ Xử cho anh Quách Văn B được ly hôn với chị Bùi Thị V được ly hôn.

+ Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung cháu Quách Hoàng L - sinh ngày 17/02/2014, đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi và chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung

cùng chị. Anh B có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Quách Văn B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh Quách Văn B xin ly hôn chị Bùi Thị V là quan hệ hôn nhân và gia đình. Chị Bùi Thị V hiện đang ở: Thôn AT, xã TS, huyện LS, tỉnh HB thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Bùi Thị V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 227, Điều 233, Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay bị đơn chị Bùi Thị V vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Anh B và chị Bùi Thị V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn ngày 04/9/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã LS ( nay là xã TS), huyện LS, tỉnh HB nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo anh B trình bày: Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì

mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay không quan tâm đến nhau, anh không còn tình cảm với chị V. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị V được ly hôn.

Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết, chị Bùi Thị V có biết việc anh B xin ly hôn với chị, tại các buổi làm việc tại Tòa án chị xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn như anh B trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng trong quan điểm, lối sống. Từ tháng 10/2020 vợ chồng chị không sống chung với nhau nữa. Tuy nhiên chị muốn con có cả cha lẫn mẹ nên chị xin đoàn tụ gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy anh B và chị V sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay không quan tâm đến nhau, anh B không còn thương yêu chị V, anh B cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị V. Chị V xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, không quan tâm đến nhau như anh B trình bày, nhưng chị mong muốn con có cả cha và mẹ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh B được đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hỏi chị V có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn gia đình không, chị V không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn gia đình, anh chị sống ly thân từ tháng 10/ 2020 đến nay, chị V không làm gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung của anh chị không còn tồn tại. Như vậy hôn nhân giữa anh B và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, khoản 1 Điều 53, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Quách Văn B và chị Bùi Thị V được ly hôn.

[3.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh B và chị V có 01 con chung: Quách Hoàng L- sinh ngày 17/02/2014. Anh B và chị V thỏa thuận chị V là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này của anh Quách Văn B và chị Bùi Thị V không trái luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Bùi Thị V vắng mặt nên không thể công nhận sự thỏa thuận này của anh chị. Tại phiên tòa anh Quách Văn B vẫn đồng ý để chị Bùi Thị V nuôi con, trong biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2022 cháu L trình bày bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu Quách Hoàng

L- sinh ngày 17/02/2014 cho chị Bùi Thị V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị V chưa yêu cầu anh Quách Văn B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh B có quyền thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở quyền này và việc thay đổi người nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.5] Về án phí: Anh Quách Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 53, điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Quách Văn B:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Quách Văn B được ly hôn với chị Bùi Thị V.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung cháu Quách Hoàng L - sinh ngày 17/02/2014, đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi và chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con

chung cùng chị. Anh có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Quách Văn B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0003518, ngày 18/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện LS;
- Chi cục Thi hành án DS H. LS;
- UBND xã Thanh Sơn
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký )**

**Chu Thị Lan Anh**

